

Bản án số: 139/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14-11-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Thanh Hải

2. Ông Trương Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Vân -Thư ký Toà án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa: Bà Nhữ Thị Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2023/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị D, sinh năm: 1994

HKTT: Thôn Tré, xã Hạ Trung, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Thôn Chiềng Ai, xã Hạ Trung, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trương Văn L, sinh năm: 1986

Trú tại: Thôn Tré, xã Hạ Trung, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Bùi Thị D trình bày: Chị và anh L tự do tìm hiểu trong khoảng 03 tháng, sau khi chị có thai thì tổ chức cưới theo tập quán của địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã Hạ Trung ngày 22/3/2013. Hôn nhân hạnh phúc được 06 năm, từ năm 2017 mâu thuẫn nảy sinh nguyên nhân chủ yếu do hai vợ chồng đều đi làm ăn xa, mỗi người một nơi dẫn đến anh L không tin tưởng chị, thường xuyên ghen tuông vô cớ, đôi khi còn có việc bạo lực gia đình, tình cảm vợ chồng phai nhạt. Năm 2019 bố chị ốm nặng, chị về nhà chăm sóc nhưng anh L không đồng ý, vợ chồng tranh cãi mâu thuẫn nên từ năm 2019 chị đã ly thân với anh L. Vợ chồng ly thân đã

05 năm nay, không ai còn quan tâm đến ai, ai cũng đã có cuộc sống riêng, chị không còn tình cảm với anh L nên có nguyện vọng được ly hôn để giải phóng cho nhau.

- Về con chung: Có 02 con chung là Trương Thị Quỳnh Dương, sinh ngày 06/6/2013 và Trương Thị Vân Dung, sinh ngày 06/6/2013. Ly hôn chị có nguyện vọng chia đôi mỗi người nuôi 01 cháu, cháu nào ở với chị cũng được, do ai cũng nuôi con nên không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

- Về tài sản và công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa anh Lực trình bày: Anh và chị D tự do tìm hiểu trong khoảng 03 tháng, sau khi chị D có thai thì tổ chức cưới theo tập quán của địa phương, hai bên tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã Hạ Trung ngày 22/03/2013. Hôn nhân hạnh phúc, do khó khăn về kinh tế nên anh phải đi làm ăn xa, chị D ở nhà nuôi con, khi các con được 02 tuổi thì chị D bỏ đi làm công ty và từ đó không về, mỗi lần về chị D chỉ về nhà ngoại sống mà không về ở với anh nữa, thời điểm chị D đi làm công ty là đã mang theo hết đồ đạc cá nhân đi, anh và ông ngoại và 01 người họ hàng đi cùng ra công ty đón về nhưng chị D không về mà một tuần sau mới về nhưng chỉ về bên nhà ngoại mà không về ở với anh. Anh thấy đôi khi vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhưng không đến mức phải ly hôn, không có việc anh bạo lực gia đình, chị D muốn ly hôn nên đổ tiếng xấu cho anh. Bố vợ ốm đau anh vẫn đi lại quan tâm, chăm sóc, lo lắng hỗ trợ tiền điều trị cho bố, không cấm đoán chị D về với bố, anh không đồng ý với lý do ly hôn mà chị D đưa ra. Xét thấy từ năm 2016 chị Dung đã không về ở với anh nữa, vợ chồng ly thân đã 06 năm nay, chị D muốn ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: Có 02 con chung là Trương Thị Quỳnh Dương, sinh ngày 06/6/2013, Trương Thị Vân Dung, sinh ngày 06/6/2013. Từ nhỏ đến nay hai cháu do anh nuôi dưỡng, chăm sóc, từ khi các con được 02 tuổi chị D bỏ đi không hề quan tâm, lo lắng cũng như không có tiền nong gì để nuôi con. Do các cháu sinh đôi, có những môi ràng buộc mà những cặp chị em sinh khác năm khác không có, từ nhỏ lớn lên đã có chị có em, đã quen với việc sống bên gia đình bên nội nên ly hôn anh có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi cả 02 con chung. Chị D với trách nhiệm của người làm mẹ nên anh đề nghị cấp dưỡng tiền nuôi cháu Quỳnh Dương mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên.

- Về tài sản và công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án chị D đề nghị không tiến hành hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Tòa án cũng đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các bên đương sự nhưng anh L không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh L.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Tòa án đã tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị D được ly hôn anh L. Về con chung: Giao cháu Trương

Thị Quỳnh Dương, sinh ngày 06/6/2013 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giao dục cho đến tuổi thành niên, giao cháu Trương Thị Vân Dung, sinh ngày 06/6/2013 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giao dục cho đến tuổi thành niên. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên miễn xét. Về án phí: Chị D là người dân tộc thiểu số (Dân tộc Mường), sống tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, chị đã có đơn xin miễn tiền án phí. Vì vậy căn cứ vào điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị D và anh Trương Văn L đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Hạ Trung ngày 22/03/2013 và không vi phạm điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 điều 28 BLTTDS. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do khó khăn về kinh tế, vợ chồng phải đi làm ăn xa, tình cảm ngày càng phai nhạt xa cách. Vợ chồng có sự nghi ngờ về tình cảm, thiếu tin tưởng lẫn nhau. Vợ chồng không hiểu và thông cảm, chia sẻ được cho nhau những khó khăn trong cuộc sống. Hiện tại vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay, quá trình ly thân không ai còn quan tâm đến ai. Việc này đã được Tòa án xác minh. Chị D và anh L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đều đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị D được ly hôn anh Trương Văn L để giải phóng cho nhau là cần thiết và phù hợp pháp luật.

[2] Về con chung: Chị D và anh L có 02 con chung là Trương Thị Quỳnh Dương, sinh ngày 06/6/2013, Trương Thị Vân Dung, sinh ngày 06/6/2013. Ly hôn chị D có nguyện vọng chia đôi mỗi người nuôi 01 cháu, anh D có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung và yêu cầu chị D cấp dưỡng tiền nuôi cháu Quỳnh Dương mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên, đây là nguyện vọng chính đáng của những người làm cha, làm mẹ. Tuy nhiên xét hoàn cảnh thực tế, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cháu Vân Dung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên, giao cháu Quỳnh Dương cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế và các quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản: Chị D và anh L không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị D là người đồng bào dân tộc thiểu số (dân tộc Mường) sống tại vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, chị đã có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Vì vậy căn cứ vào điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Dung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 điều 28, khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho Bùi Thị D được ly hôn anh Trương Văn L.

Về con chung: Giao cháu Trương Thị Vân Dung, sinh ngày 06/6/2013 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên. Giao cháu Trương Thị Quỳnh Dương, sinh ngày 06/6/2013 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

Chị Bùi Thị D, anh Trương Văn L có quyền đi lại trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở, ngăn cấm.

Về án phí: Miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Bùi Thị D.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị D và anh L. Chị D và anh L có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bá Thước;
- Các đương sự;
- UBND xã Hạ Trung;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Hội thẩm nhân dân Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Văn Dũng

Lương Thanh Hải

Phạm Văn Hùng